

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2023

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Diện

Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị N, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh Lê Kim T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(chị N có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tình cảm tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống, bên cạnh đó chị muốn đi làm thêm nhưng anh T không đồng ý và có những lời nói xúc phạm chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh T từ năm 2020 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân anh chị không tìm biện pháp để cải thiện tình cảm mà mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung; về tài sản chung: chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị N xác định không có nên không yêu cầu gì. Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T đều không có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án và cũng không có mặt khi Tòa án triệu tập. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh T nhưng vẫn không gặp được anh T nên không lấy được lời khai của anh T. Tuy nhiên, qua xác minh thực tế tại địa phương thì được biết vợ chồng chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân được khoảng một năm nay.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt, còn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T và anh T cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N. Về án phí, buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị N và anh T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 5/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27/5/2013. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị N làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong cách xử sự thì thiếu sự kiềm chế nên vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Hơn nữa, thời gian vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng vẫn chưa có con chung nên tình cảm thiếu sự gắn kết bền chặt. Vì vậy, từ năm 2020 đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, đầu năm 2022 chị N làm đơn ly hôn và đã được Tòa án thụ lý nhưng sau đó chị lại rút đơn vì muốn tạo cơ hội cho anh T nhưng anh T không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân nên chị N lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Do đó, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị N, xử cho chị Lê Thị N và anh Lê Kim T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Ngoài ra, chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung và không có nợ chung; về tài sản chung chị N xác định tự thỏa thuận giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[4] *Về án phí:* chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị N, xử cho chị Lê Thị N và anh Lê Kim T được ly hôn.

2. Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010905 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Lê Thị N đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2023). Riêng anh Lê Kim T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THADS huyện Lâm Hà;
- UBND xã Phú Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy